TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 06, 06 – 10/02/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Đà giảm chi phối, thị trường tiếp tục lùi về mức thấp hơn"

Chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch giằng co nhưng mất đà về cuối tuần và đảo chiều giảm điểm. Làn sóng nâng lãi suất từ các Ngân hàng trung ương tiếp tục gây lo ngại cho giới đầu tư. Báo cáo việc làm vẫn mạnh ở Mỹ cho thấy thị trường lao động thắt chặt ngoan cố làm tiêu tan hy vọng FED sẽ sớm dừng chu kỳ nâng lãi của mình. Ở châu Âu, tỷ lệ lạm phát của Đức tăng ít hơn dự báo tạo cho thị trường một số khoảng thời gian nghỉ ngơi, tuy nhiên, áp lực bán đã nhanh chóng quay trở lại. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 giảm lần lượt 0.2% và 1.1%. Chứng khoán châu Âu cũng lùi bước khi Stoxx Euro giảm 0.6%, rời xa mức đỉnh thiết lập trong tuần. Chứng khoán châu Á đa phần giao dịch trong sắc đỏ với Hang Seng rơi 2.2%, Shanghai giảm 0.1% và Nikkei của Nhật Bản thu hẹp đà tăng còn 0.6%.

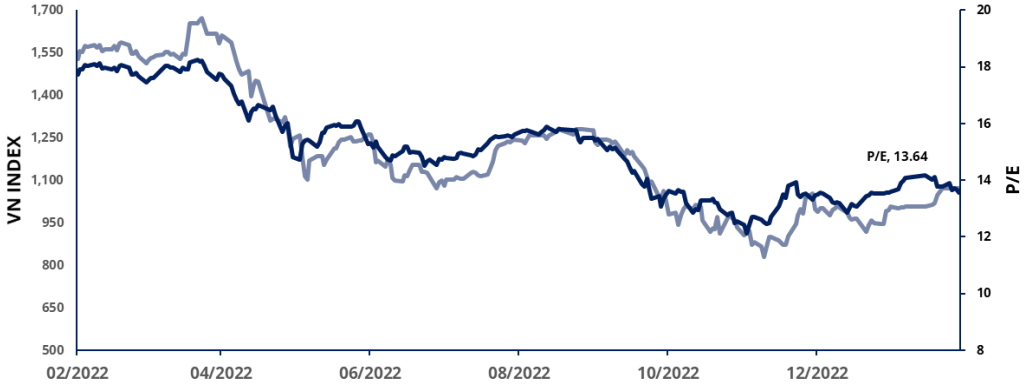
Dầu thô WTI bật tăng ấn tượng trong tuần với mức tăng 8.6%, lên trên mức 79 USD/thùng khi Nga công bố kế hoạch cắt giảm sản lượng 500,000 thùng/ngày trong tháng 3. Động thái bất ngờ này là sự đáp trả đối với lệnh cấm nhập khẩu bằng đường biển của châu Âu và trần giá đối với các sản phẩm dầu mỏ của Nga. Thêm vào đó, Saudi Arabia đã tăng giá dầu thô cho các thị trường châu Á lần đầu tiên sau 6 tháng trong tín hiệu mới nhất rằng nhu cầu có thể phục hồi từ Trung Quốc. Chỉ số đô la giữ ổn định trên mức 103, giữ đà tăng mạnh từ tuần trước, cùng với Lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm của Hoa Kỳ vượt mức 3.7%, cao nhất trong hai tháng.

Chứng khoán Việt Nam tiếp tục giảm điểm, sự thiếu vắng dòng tiền chấp nhận mua mới ở vùng giá cao cùng với áp lực bán chi phối hoàn toàn đẩy chỉ số đóng cửa tuần trong sắc đỏ. Kết tuần, VN-Index giảm 21.85 điểm (-2.0%) về mức 1055.3 điểm, HNX Index cũng giảm 6.8 điểm (-3.2%) về 208.5 điểm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước và tự doanh bán ròng. Dòng tiền phân hóa mạnh cùng với độ rộng thị trường thu hẹp đáng kể, sắc xanh dường như hiếm hoi hơn. Giao dịch khởi sắc đến từ nhóm Thủy sản, Dệt may, Dầu khí khi kỳ vọng Trung quốc mở cửa, trong khi nhóm Tài chính, Bất động ở chiều giảm điểm tiêu cực. Về tâm điểm tuần sau, tại Hoa Kỳ, dữ liệu tỷ lệ lạm phát, giá sản xuất, doanh số bán lẻ và một số bài phát biểu của các quan chức Fed chiếm vị trí trung tâm. Ngoài ra, dữ liệu CPI, doanh số bán lẻ và lao động cũng được công bố cho Anh quốc. Ở những nơi khác, các nhà đầu tư sẽ theo dõi tốc độ tăng trưởng GDP quý 4 của Nhật Bản, Thái Lan cùng các quyết định lãi suất mới ở Philippines và Indonesia.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số đang vận động trong pha giảm ngắn hạn với điểm đảo chiều được xác nhận vào phiên 01/02/2023. Các chỉ báo kỹ thuật chưa có nhiều cải thiện, khi MACD tiếp tục cắt xuống đường signal và mở rộng biên độ cùng với RSI giảm dưới mức 50, hàm ý dòng tiền suy yếu và đà giảm vẫn còn. Hiện hỗ trợ gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 1,050 điểm ứng với MA50 ngày, thấp hơn là ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Chiến lược phù hợp vẫn là kiên nhẫn và quan sát.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,055	-2.0	-0.5	10.6	4.8		13.7	1.7	179
Upcom Index	77	2.4	7.3	12.7	7.9		11.3	1.3	42
HNX Index	209	-3.2	-1.3	9.8	1.6		15.7	1.2	10
VN30 Index	1,049	-3.4	-2.0	10.5	4.3		11.0	1.6	131
S&P 500 Index	4,090	-1.1	2.3	2.4	6.5		19.4	4.2	35,637
STOXX Europe 600 Index	458	-0.6	1.2	5.9	7.8		13.3	1.7	13,538
Hang Seng	21,190	-2.2	-2.5	22.3	7.1		12.5	1.2	3,021
Nikkei 225	27,671	0.6	5.9	-2.1	6.0		22.8	1.7	3,733
SHCOMP Index	3,261	-0.1	2.0	5.6	5.5		14.2	1.4	6,910
STI Index	3,361	-0.7	2.0	4.1	3.4		14.4	1.2	391
KOSPI Index	2,470	-0.4	3.5	-0.5	10.4		11.7	1.0	1,494

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	1M	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.0	-0.2	5.0	-32.1	-21.8	-28.5	65.8	2.7	11.5	1.7	3,639,523
Mid Cap	-2.2	0.6	3.7	-39.9	-25.5	-27.6	32.0	-2.7	13.7	1.0	490,960
Small Cap	-0.5	3.0	4.2	-36.3	-20.9	-16.6	2.2	0.0	41.4	0.8	74,391

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	3.1	2.7	19.4	-6.9	-3.8	-16.4	1.4	0.4	6.9	1.0	59,948
Tiện ích	0.7	1.5	5.0	-31.3	-19.9	-15.8	2.1	0.1	12.3	1.0	320,812
Dược và Y tế	0.6	5.5	6.2	0.4	4.8	2.5	0.2	0.1	13.0	1.1	32,348
Công nghệ Thông tin	0.3	0.2	4.4	-37.7	-23.8	-24.0	1.0	0.0	16.8	1.0	100,638
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1	-2.1	-3.4	-50.0	-31.5	-20.6	1.1	-0.3	10.8	1.0	49,773
Bảo hiểm	-0.1	1.5	6.0	-41.5	-32.4	-34.9	0.4	0.0	19.3	1.0	48,197
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.7	3.3	4.2	-46.2	-35.5	-35.1	3.8	-0.8	10.2	1.0	109,383
Ngân hàng	-1.3	2.3	8.7	-30.5	-20.0	-21.0	26.0	1.6	8.2	1.0	1,551,626
Thực phẩm và đồ uống	-2.0	-1.1	2.6	-32.7	-22.3	-25.2	8.6	0.3	22.3	1.0	507,849
Xây dựng và vật liệu	-2.3	0.4	8.9	-42.2	-31.2	-13.6	6.4	-0.8	6.9	1.0	96,055
Tài nguyên cơ bản	-2.8	2.3	13.4	-30.6	-20.0	-12.4	12.7	0.8	24.1	1.0	158,764
Ô tô & Phụ tùng	-3.3	-0.8	1.2	-33.7	-26.2	-14.4	0.5	0.0	9.4	1.0	13,541
Tài chính	-3.6	-1.7	6.4	-43.0	-37.1	-41.3	10.6	-1.5	13.5	1.0	99,834
Bất động sản	-3.9	-4.7	-0.9	-33.2	-16.3	-43.6	16.8	0.4	14.4	1.0	745,001
Hóa chất	-4.3	-0.3	1.5	-36.1	-13.1	-24.5	4.5	-0.1	6.9	1.0	132,895
Du lịch và Giải trí	-4.8	-10.1	-8.0	-50.4	-48.9	-44.9	0.5	-0.2	n.a	0.9	93,641
Truyền thông	-5.9	9.9	9.0	-60.6	-42.6	-71.0	0.0	0.0	11.5	1.1	960
Bán lẻ	-9.4	1.4	0.0	-32.8	-7.5	-5.4	3.3	0.1	15.3	1.0	83,265

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD) 1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,596**	**18.0**	**190.7**	**855.1**	**237.3**
Nước ngoài	**2,435**	**18.0**	**170.0**	**815.5**	**202.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	507	0.0	44.0	185.2	88.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	735	0.0	0.0	145.6	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	725	6.5	84.2	391.1	136.6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	308	8.9	28.4	72.6	36.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	128	2.7	13.5	20.5	-60.3
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.5	0.0
Asian Growth CUBS ETF	11	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,161**	**0.0**	**20.7**	**39.5**	**34.4**
DCVFMVN Diamond ETF	598	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	361	0.0	21.0	36.8	28.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	162	0.0	0.0	10.4	6.5
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-3.5	0.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	-0.3	-4.2	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD) WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	-444	-608	-4,267	-4,267
Indonesia	216	295	91	91
Nhật Bản*	-142	-142	2,084	2,084
Maylaysia	-74	-81	-163	-163
Philippines	-33	-11	111	111
Hàn Quốc	489	1,915	7,155	7,155
Sri Lanka	5	8	9	10
Đài Loan	8	1,744	8,985	8,985
Thái Lan	-439	-592	-47	-47
Việt Nam	34	77	192	192

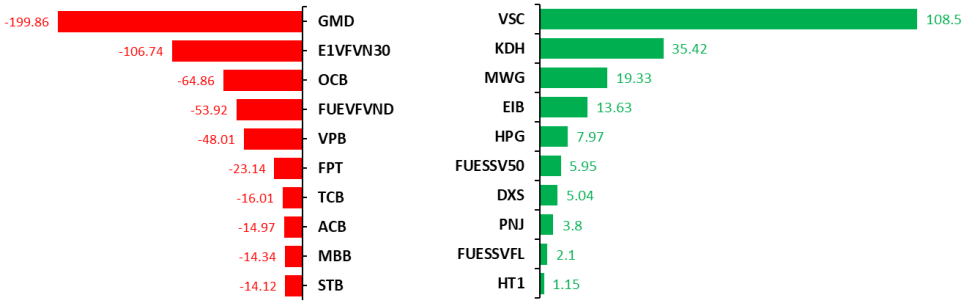
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

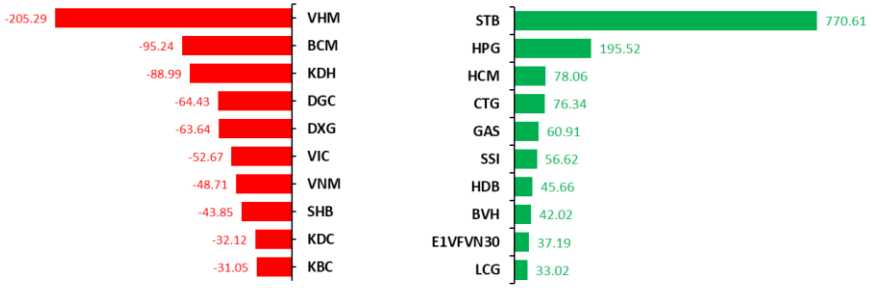
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-4	-521	582	-60
Tài nguyên Cơ bản	8	147	-181	34
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-91	-4	-195	199
Y tế	0	4	-6	2
Hóa chất	-25	-83	189	-106
Dịch vụ tài chính	-170	195	-14	-181
Du lịch và Giải trí	-8	21	-21	0
Ngân hàng	-190	879	-1,090	211
Xây dựng và Vật liệu	-6	88	-106	18
Thực phẩm và đồ uống	-25	-86	157	-71
Bán lẻ	13	-12	-378	389
Điện, nước & xăng dầu khí đ	-5	108	-123	15
Hàng cá nhân & Gia dụng	4	-4	23	-19
Công nghệ Thông tin	-23	0	-53	53
Ô tô và phụ tùng	0	7	-7	0
Bảo hiểm	-4	61	-60	-1
Dầu khí	0	60	-123	62
Tổng	-526	860	-1,407	547

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DXG	Bất động sản	7.94 - 47.45	11.6	-14.07%
2	PDR	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.20 - 69.63	12.1	-12.36%
3	CRE	Bất động sản	7.31 - 24.15	7.3	-11.50%
4	VIB	Ngân hàng	16.20 - 36.15	21.0	-11.21%
5	EIB	Sản xuất nông nghiệp	17.00 - 42.40	23.0	-11.05%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
14.70%	34.0	15.00 - 65.00	Thực phẩm và đồ uống	ANV
11.99%	27.6	21.70 - 40.50	Y tế	DCL
8.25%	4.3	2.83 - 13.64	Dịch vụ tài chính	FIT
4.91%	20.3	11.90 - 30.53	Dầu khí	PVD
4.29%	4.3	2.89 - 17.95	Tài nguyên Cơ bản	TTF

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 1,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HMH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.00 - 25.90	10.8	-21.74%
2	GDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.30 - 35.90	22.6	-18.71%
3	QST	Truyền thông	9.40 - 17.20	11.0	-16.03%
4	KVC	Tài nguyên Cơ bản	1.10 - 9.40	1.6	-15.79%
5	VTJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.60 - 10.10	3.1	-13.89%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
24.50%	24.9	18.00 - 36.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VSA
20.83%	14.5	10.20 - 18.50	Xây dựng và Vật liệu	TTC
19.20%	47.8	35.50 - 60.00	Xây dựng và Vật liệu	SDN
13.66%	79.9	64.10 - 91.00	Thực phẩm và đồ uống	SGC
10.00%	41.8	36.50 - 60.50	Tài nguyên Cơ bản	HGM

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	EME	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.10 - 46.50	12.1	-33.15%
2	MTV	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.10 - 25.00	13.1	-27.22%
3	TBD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.10 - 125.00	51.8	-26.11%
4	MTS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.60 - 17.20	9.9	-21.43%
5	VPC	Xây dựng và Vật liệu	5.20 - 10.00	5.9	-20.27%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
101.08%	893.4	336.00 - 893.40	Truyền thông	VNZ
64.03%	22.8	12.10 - 27.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	DNA
41.67%	8.5	2.90 - 13.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	MTG
38.10%	11.6	6.20 - 15.80	Y tế	UPH
38.10%	2.9	1.50 - 7.70	Xây dựng và Vật liệu	CIP

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,984.1	334.7	36.5	25.15 - 42.40	-2.7
2	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	4,938.8	174.1	27.6	21.70 - 40.50	13.4
3	ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	57,643.0	153.0	34.0	15.00 - 65.00	16.3
4	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	3,923.9	106.4	7.3	7.31 - 24.15	-10.9
5	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,068.1	104.4	14.9	10.50 - 22.80	4.2
6	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8,556.6	102.5	29.9	29.00 - 50.00	-0.7
7	EIB	Eximbank	Ngân hàng	65,118.1	93.4	23.0	17.00 - 42.40	-9.3
8	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	4,034.5	85.9	55.6	44.65 - 68.10	-0.7
9	VHM	Vinhomes	Bất động sản	104,365.5	83.9	45.4	41.25 - 80.90	-5.6
10	PLX	Petrolimex	Dầu khí	35,612.5	79.0	38.3	22.95 - 65.90	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

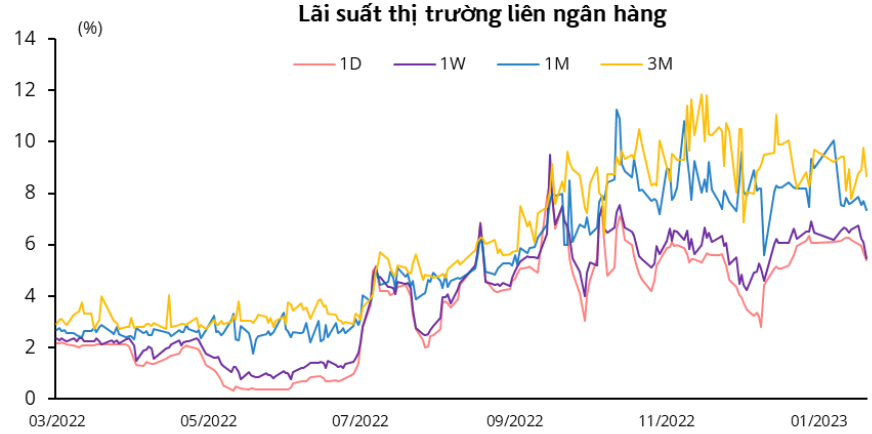
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.63	0.69	0.38	-4.23	0.10	
VND/USD	23,572	0.52	0.52	-5.21	-0.26	
KRW/USD	1,264.95	2.90	1.70	-8.19	-0.04	
JPY/USD	131.36	0.13	-0.68	-6.82	0.18	
EUR/USD	0.94	1.09	0.52	-4.39	0.26	
SGD/USD	1.33	0.51	-0.11	-3.77	-0.69	
CNY/USD	6.81	0.24	0.52	-5.18	-1.22	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	79.72	8.63	6.12	-7.81	-0.67	
Xăng	250.37	7.87	7.56	-2.44	1.80	
Gas	2.51	4.32	-30.92	-59.71	-43.82	
Than	226.10	-4.19	-42.09	-30.27	-44.06	
Vàng	1,865.57	0.03	-0.61	6.27	2.28	
Bạc	22.00	-1.56	-6.78	1.49	-8.14	
Platinum	949.55	-2.79	-12.30	-8.36	-11.61	
Quặng sắt	125.14	-0.10	4.58	41.90	12.46	
Thép cán	4,198.00	0.57	0.70	11.26	1.23	
Lúa mì	786.00	3.87	7.52	-2.18	-0.76	
Ngô	680.50	0.44	3.89	4.17	0.29	
Gỗ	419.60	-16.05	20.57	-8.78	12.28	

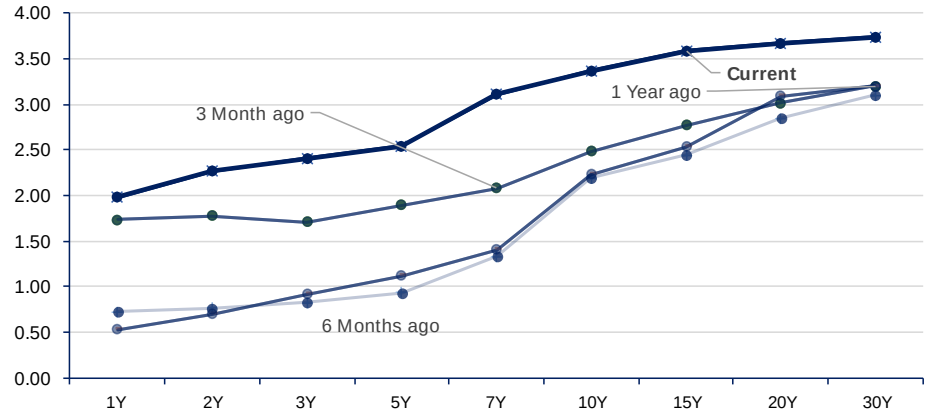
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)*	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.